

Bản án số: 118/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24-01-2022
V/v tranh chấp Ly hôn

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Tý

Bà Bùi Diệu Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Trúc Ly

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nghĩa- Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Minh H, sinh năm: 1982; Địa chỉ: số 33/3 Khánh N, xã T, Thành phố S, tỉnh Đ.

Bị đơn: Bà Trịnh Thị H, sinh năm: 1981; Địa chỉ: khu phố 4, phường A, quận B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn ly hôn ngày 29/10/2020, bản tự khai của ông Phan Minh H trình bày: ông và bà Trịnh Thị H là vợ chồng chung sống từ năm 2007, (theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, Thành phố H, số 58, quyển số 01, ngày 04/4/2008). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường. Đến năm 2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông muốn về quê sinh sống chăm sóc cha mẹ già dẫn đến vợ chồng mỗi người một nơi, không quan tâm chăm sóc nhau. Vợ chồng ly hôn từ năm 2015 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên ông xin ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 con chung Phan Minh Tr, sinh ngày 13/10/2008 và Phan Thụy P, sinh ngày 23/3/2017. Ly hôn, ông giao 02 con cho bà H nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: ông H khai không có.

Bà Trịnh Thị H trình bày: bà thống nhất với lời khai của ông H về quá trình kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau nên dẫn đến vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, sinh hoạt và nuôi dạy con. Vợ chồng đã cố gắng hòa giải nhưng vẫn không hàn gắn được nên đã ly hôn từ 2016 cho đến nay. Nay ông H xin ly hôn, bà đồng ý vì tình cảm không còn.

Về con chung: Có 02 con chung Phan Minh Tr, sinh ngày 13/10/2008 và Phan Thụy Phương, sinh ngày 23/3/2017. Ly hôn, bà xin nuôi 02 con và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: bà H khai không có.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: ông H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Trịnh Thị H. Bà Trịnh Thị H hiện cư trú tại 171/2 đường số 1, khu phố 4, phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng:

Do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét, ông H và bà H cùng có đơn xin xét xử vắng mặt, nên theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H và bà H.

[3] Về nội dung:

[3.1] Ông Trần Minh H và bà Trịnh Thị H có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 58, quyển số 01, ngày 04/4/2008 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, Thành phố H cấp, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3.2] Xét yêu cầu của ông H về việc xin ly hôn bà Trịnh Thị H vì lý do tình cảm không còn và mong muốn ổn định cuộc sống. Hội đồng xét xử nhận

thấy; về hôn nH: ông H và bà H kết hôn năm 2008, cuộc sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nH là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không thể san sẻ trách nhiệm và dung hòa cuộc sống hôn nH dẫn đến những bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã ly tH từ năm 2016 cho đến nay. Trong quá trình xét yêu cầu của ông H, phía bà H chỉ đồng ý trình bày lời khai và xin vắng mặt, do đó Tòa án không thể tiến hành hòa giải hôn nH gia đình, mặc dù phía bà H đồng ý ly hôn với ông H. Từ những pH tích và lập luận trên, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nH và gia đình năm 2014 thì đời sống hôn nH của vợ chồng ông Hiền, bà H rơi vào tình trạng trầm trọng, không có sự chia sẻ, cảm thông. Quan trọng hơn là ý chí không mong muốn đoàn tụ cả từ phía ông H và bà H nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H.

[3.3] Xét về con chung: trong quá trình chung sống vợ chồng ông H và bà H có 02 con chung là Phan Minh Tr, sinh ngày 13/10/2008 và P, sinh ngày 23/3/2017. Hiện nay, 02 cháu đang sinh sống với bà H. Ly hôn, bà H xin nuôi 02 con, ông H đồng ý. Do đó, việc giao 02 con chung cho bà H nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

[3.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà H không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.5] Về tài sản chung: ông H và bà H cùng khai không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.5] Về nợ chung: ông H và bà H cùng khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông H nộp tiền án phí theo quy định 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 21; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, 56, 57 Luật hôn nH và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Minh H:

- Về hôn nhân: cho ông Phan Minh H ly hôn với bà Trịnh Thị H.

- Về con chung: có 02 (hai) con chung là Phan Minh Tr, sinh ngày 13/10/2008 và Phan Thụy Phương Th, sinh ngày 23/3/2017. Giao 02 con chung cho bà H nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông H do bà H không yêu cầu.

Ông H có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, ông H và bà H đều có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp do yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: ông H và bà H khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: ông H và bà H khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông H phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được căn cứ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0063256 ngày 16/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thanh Huyền

